

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 11 đến 20/1/ 2026)

1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong 11 ngày qua, Mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà:

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Sông Hồng: - Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên cũng như chịu ảnh hưởng của thủy triều .

b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước tiếp tục biến đổi chậm.

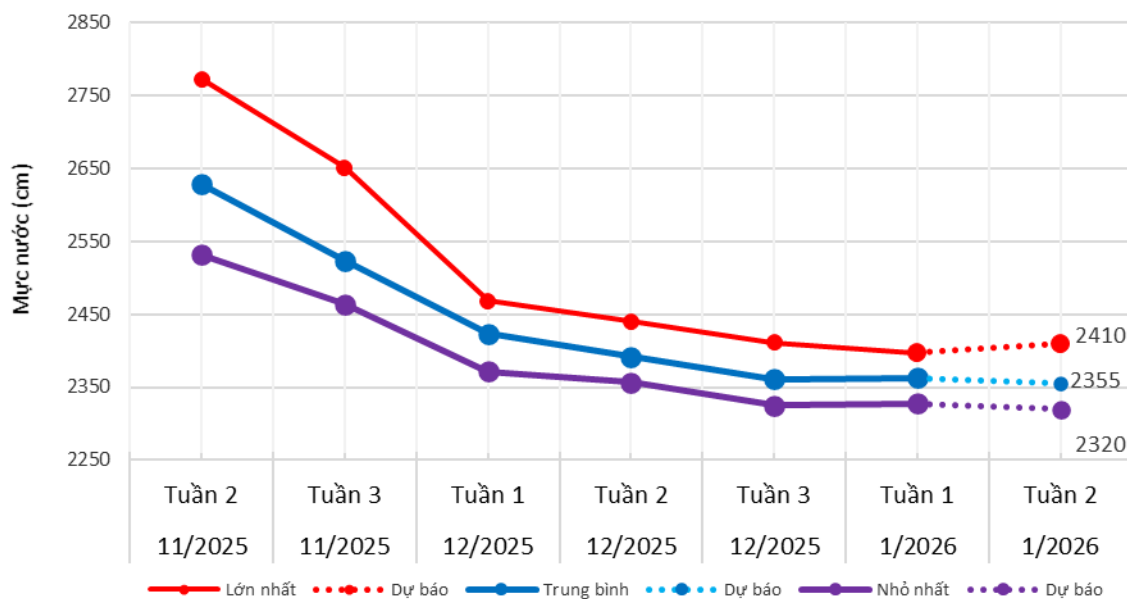
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà:

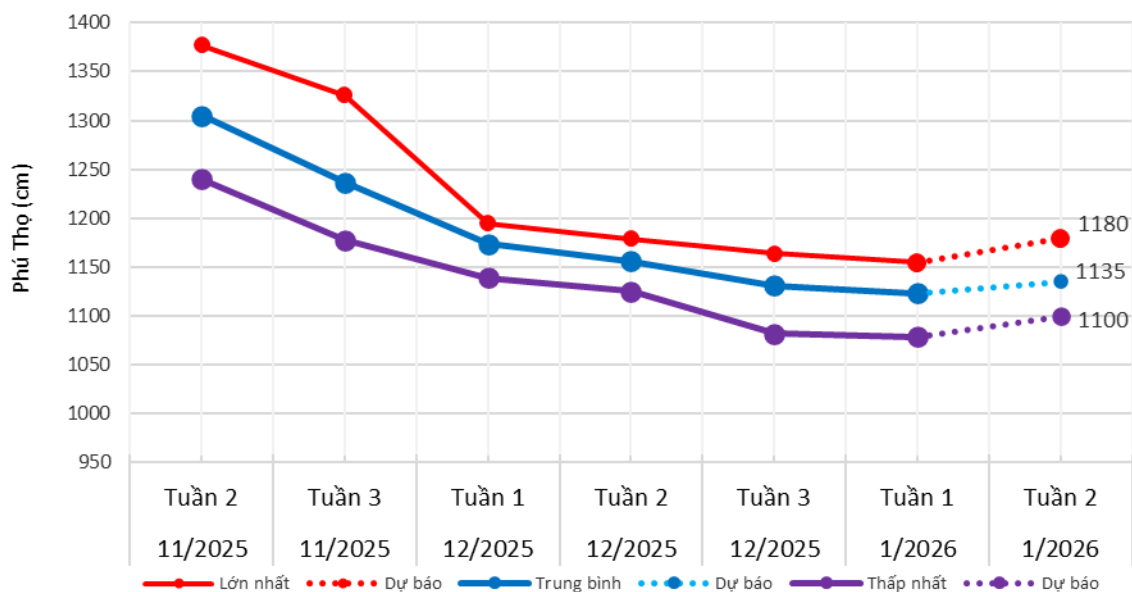
Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Sông Hồng: - Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy điện tuyến trên cũng như chịu ảnh hưởng của thủy triều. Trong thời kỳ này, các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ lấy nước gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ từ 0 giờ 00' ngày 16/1 đến 24 giờ 00' ngày 20/1/2026 (5 ngày). Trong thời gian lấy nước, mực nước tại trạm Thủy văn Hà Nội trong Đợt 1 duy trì không thấp hơn 1,6 m.

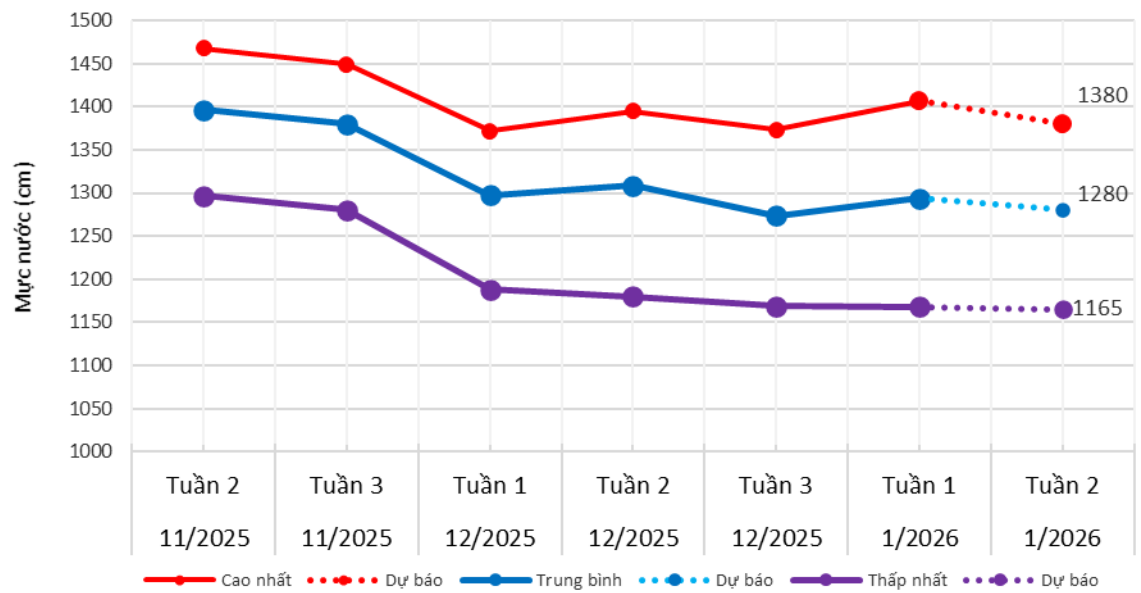
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÃI (SÔNG THAO)



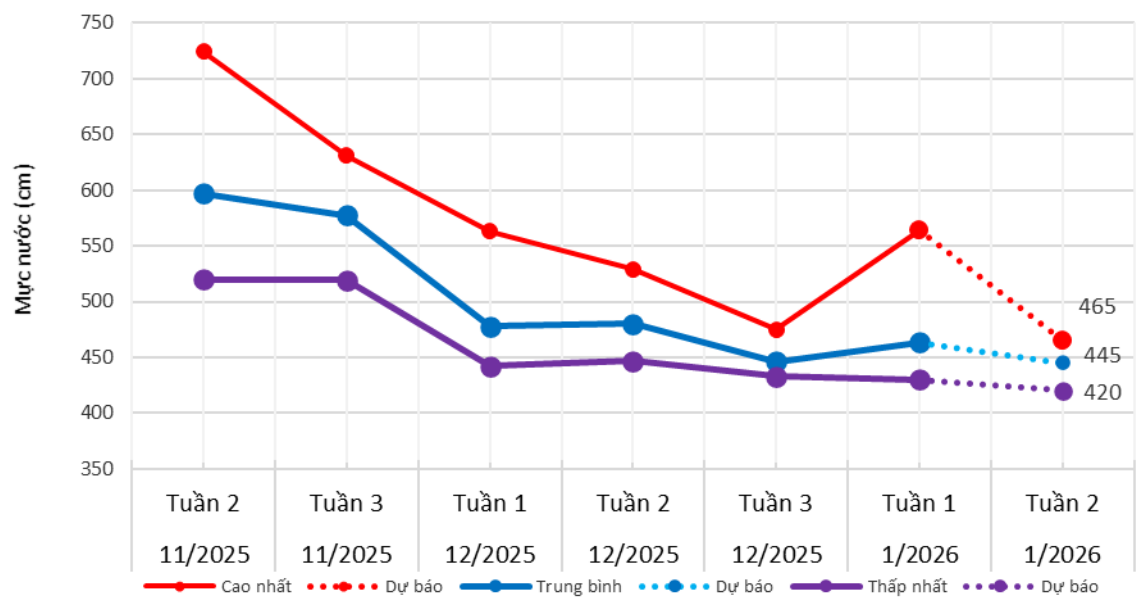
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

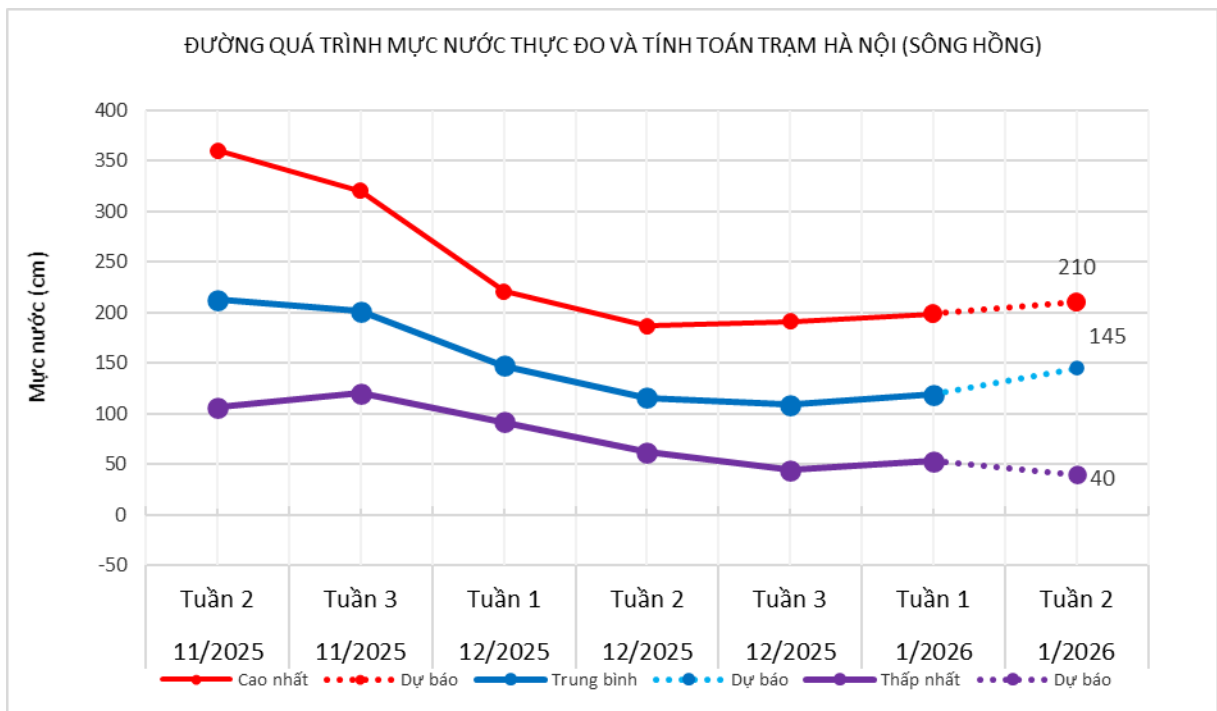
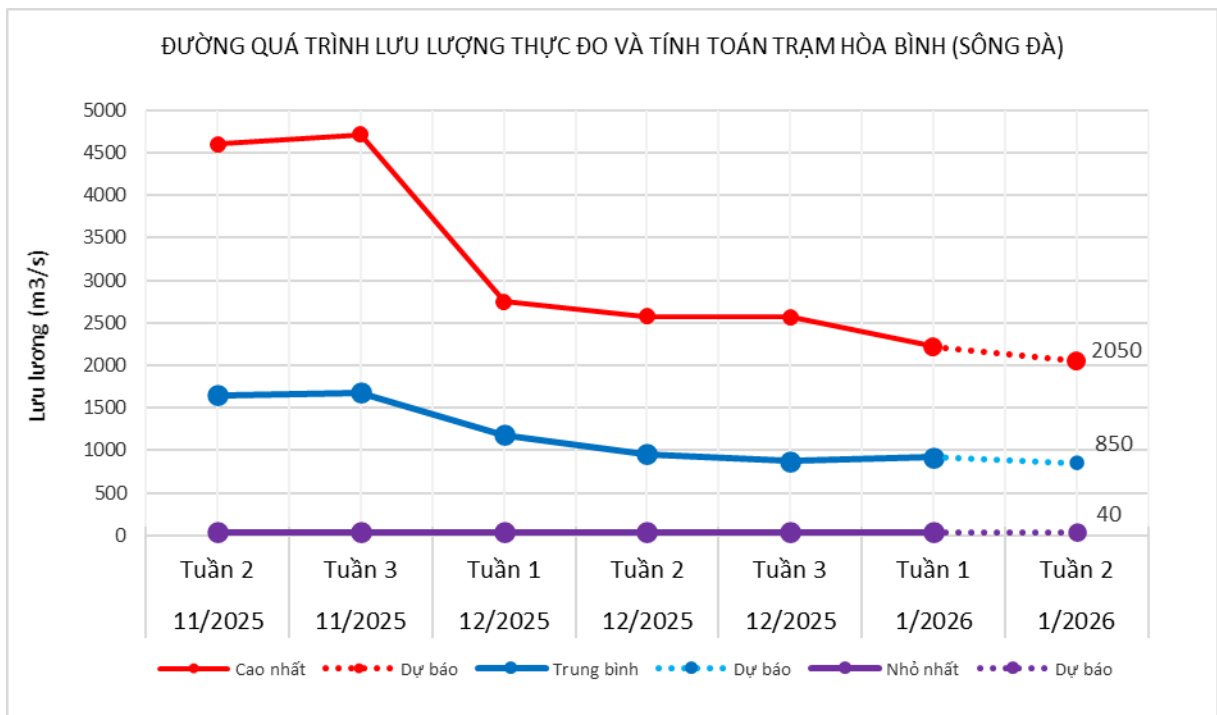


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





2. Lưu vực sông Thái Bình

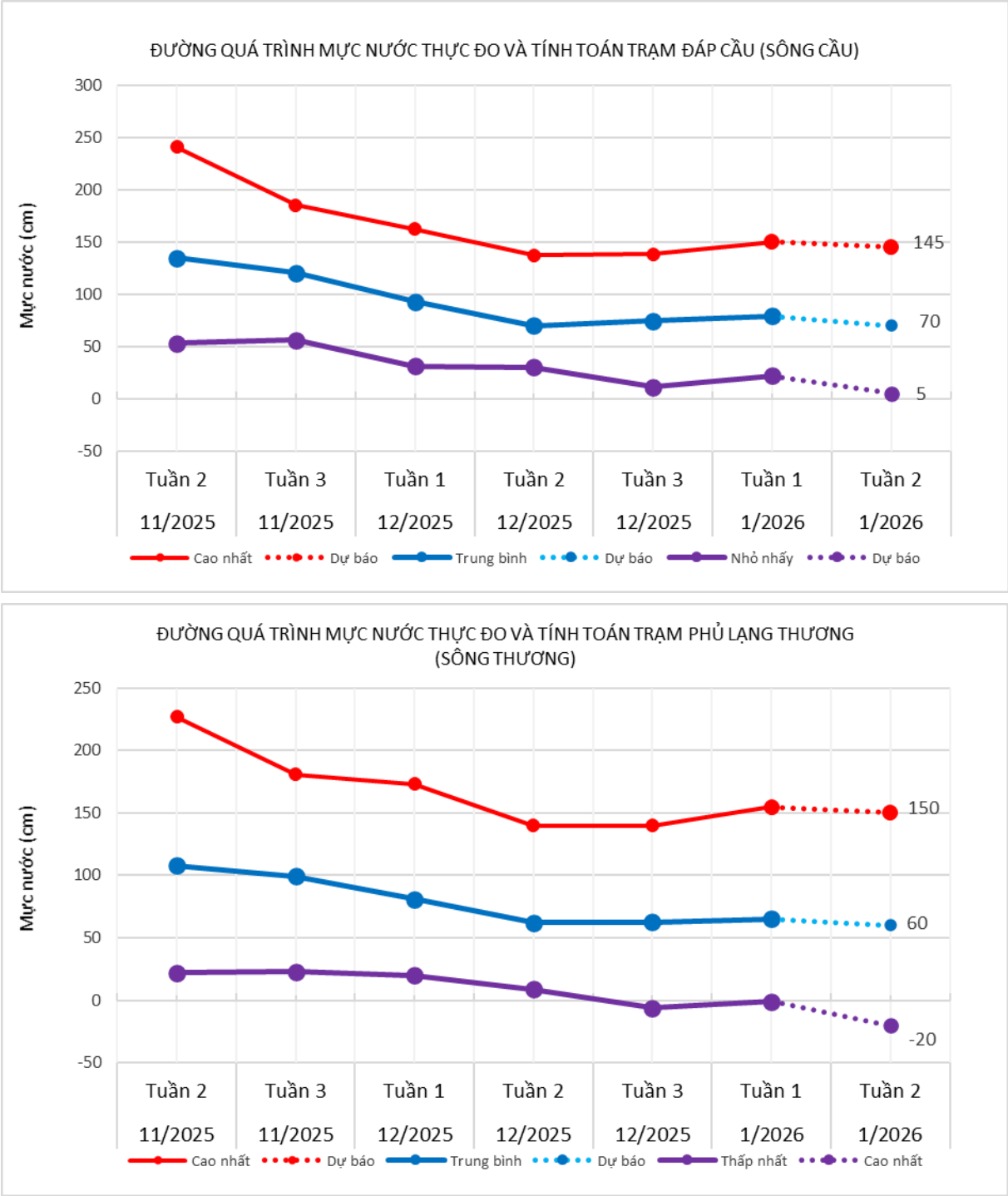
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

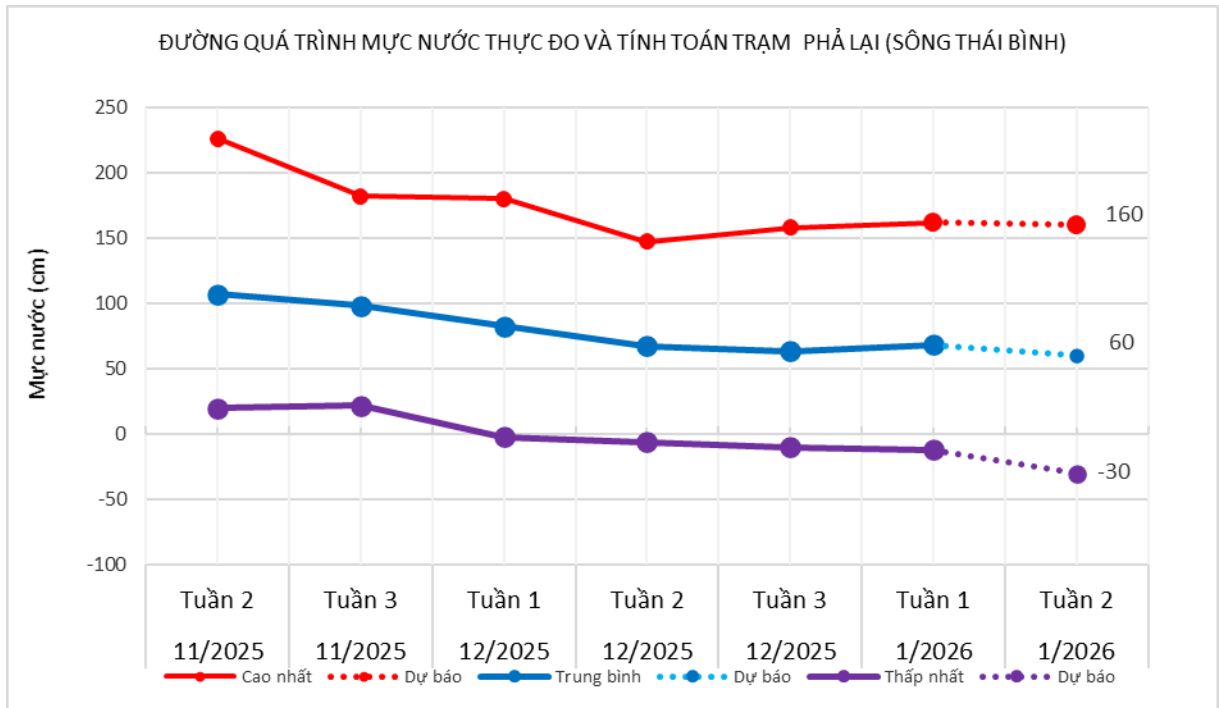
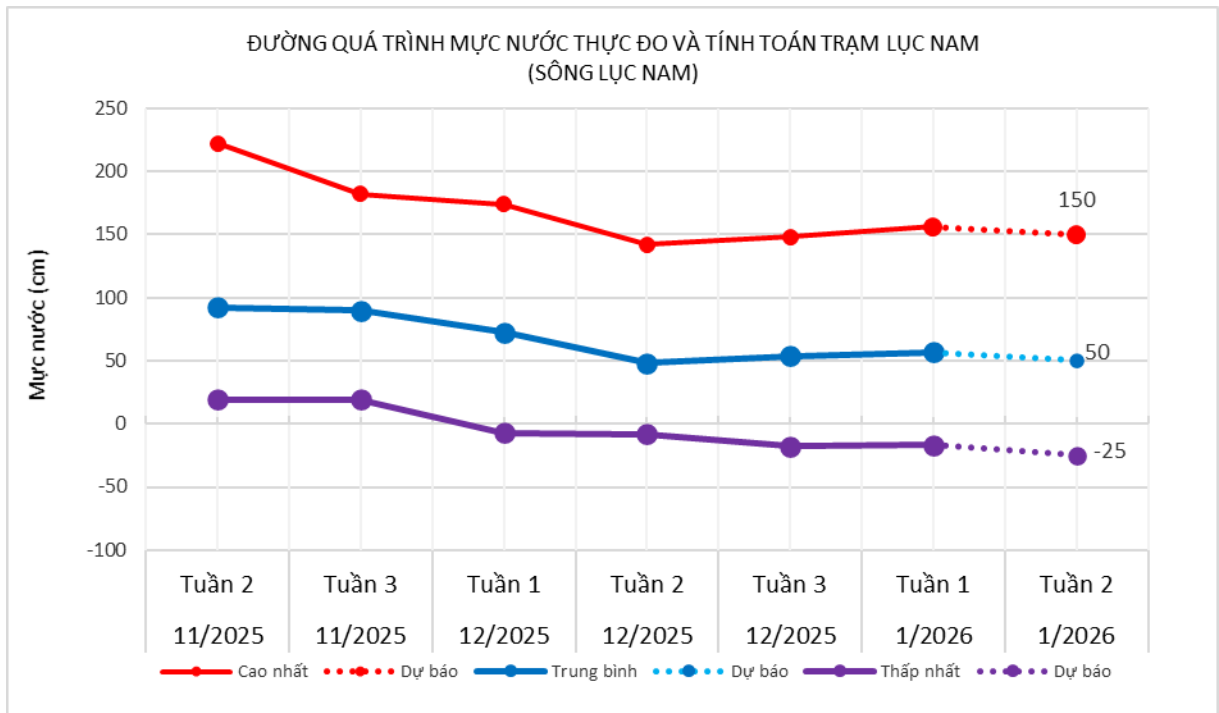
- Trong 10 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy

triều. Mức nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

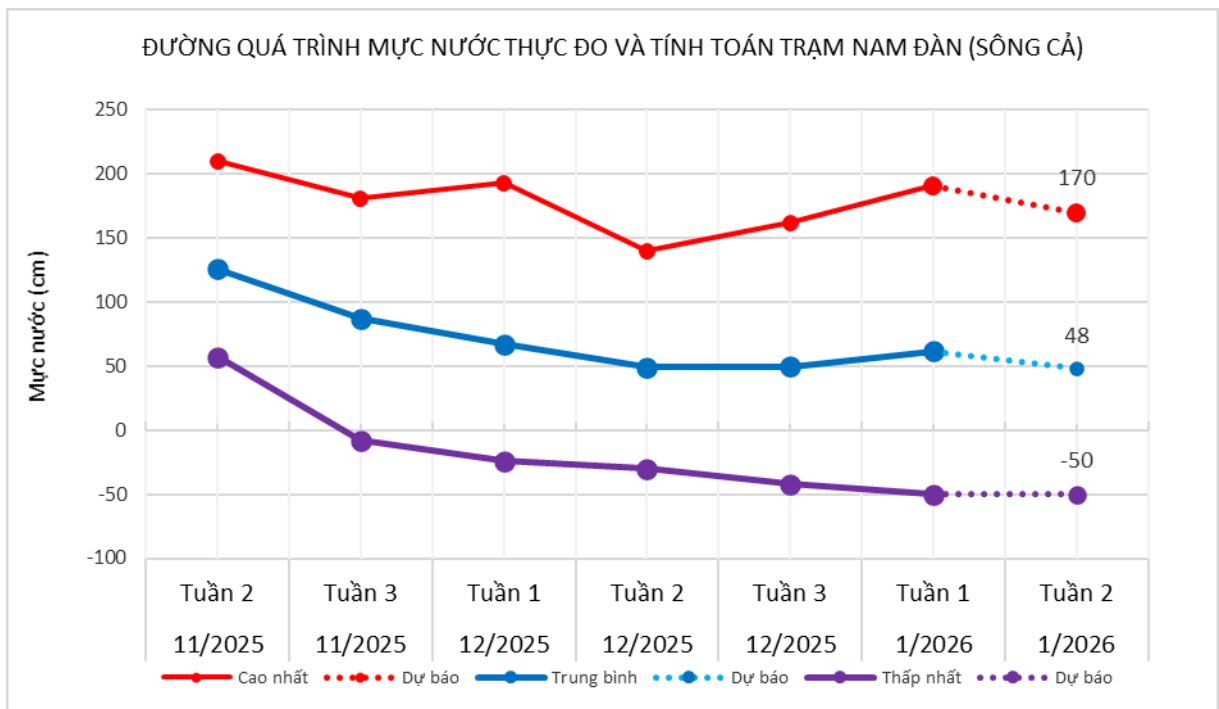
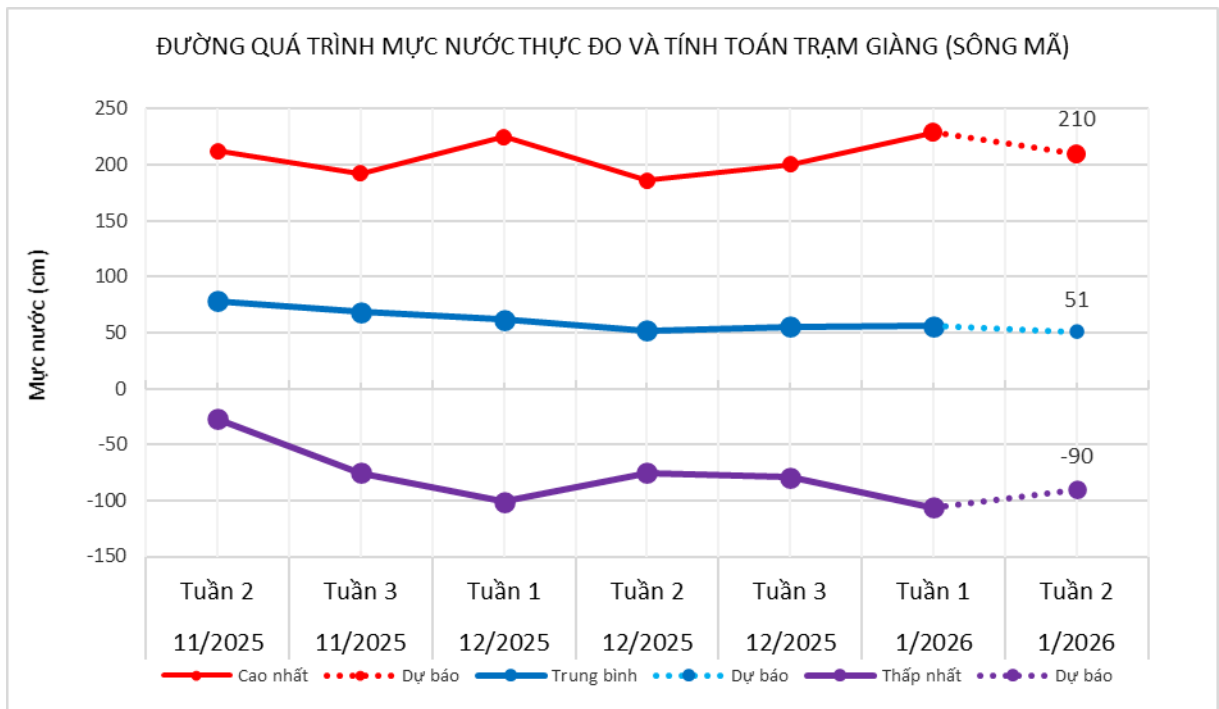
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

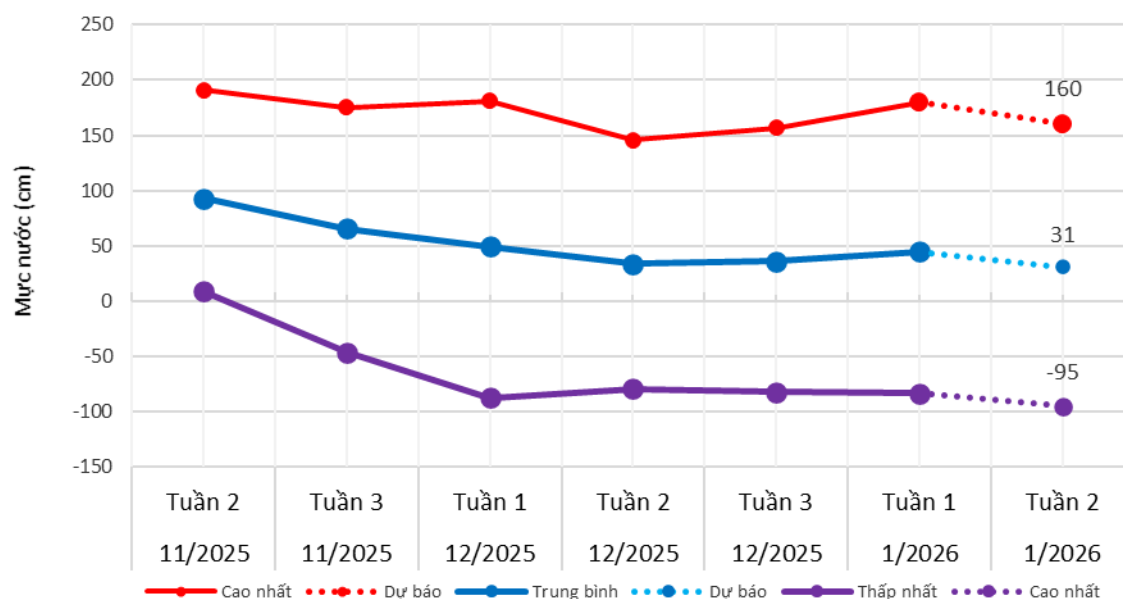
b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 10 ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

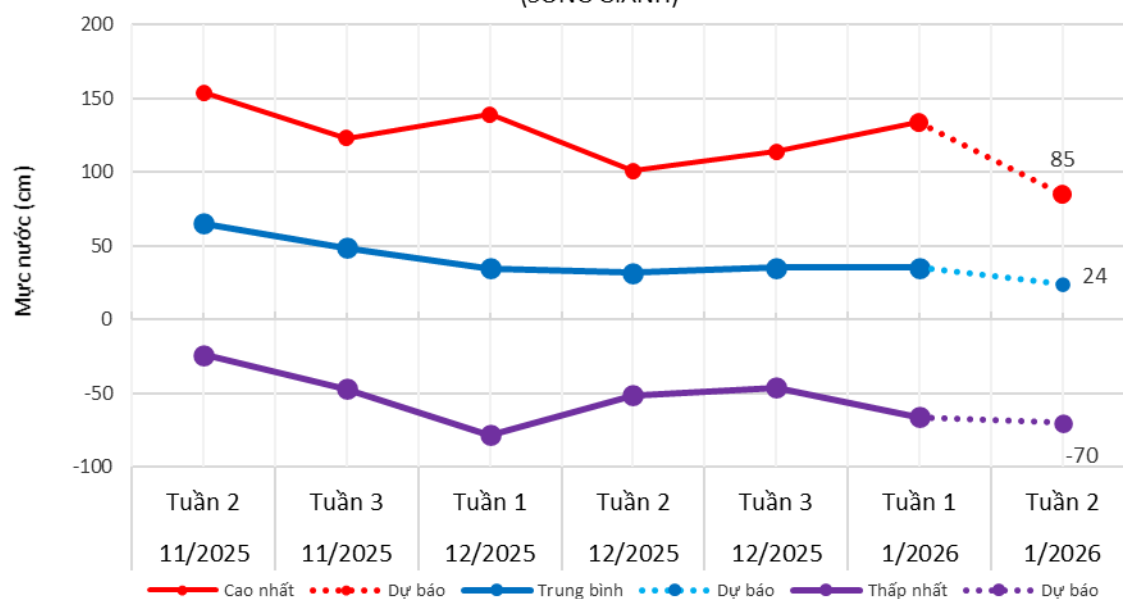
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

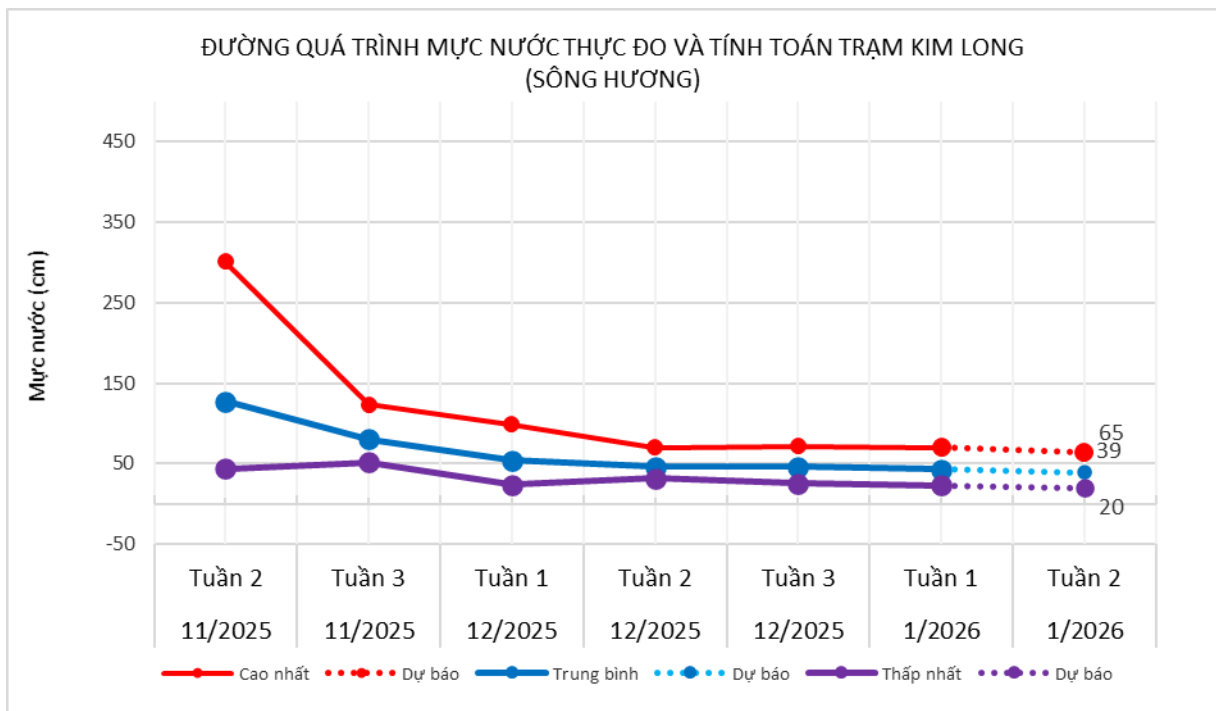


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

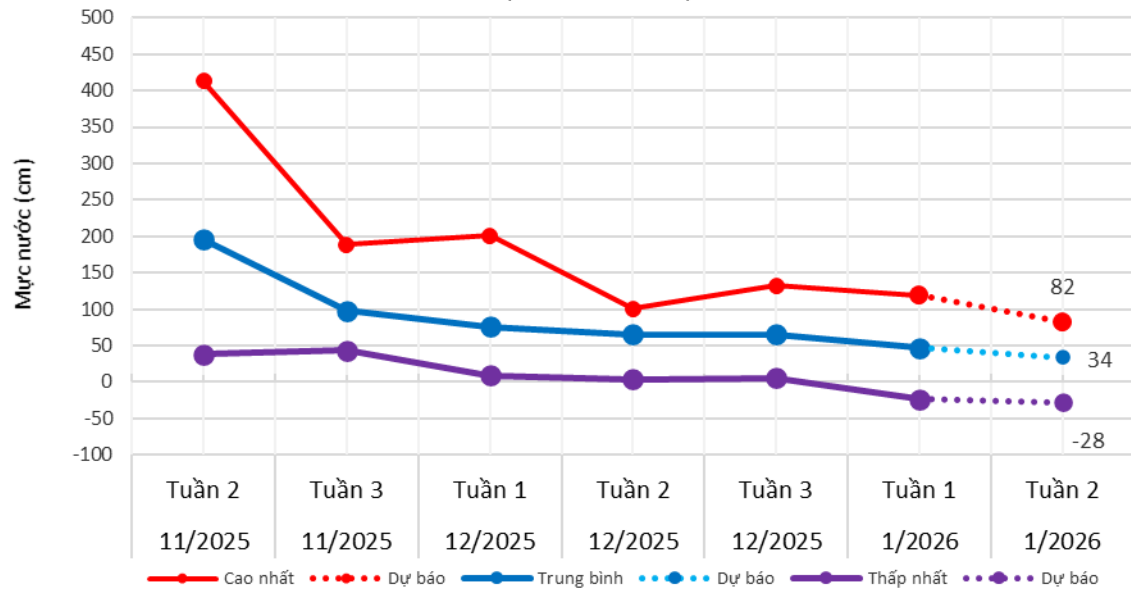
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mức nước trên các sông biến đổi theo xu thế xuống, hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

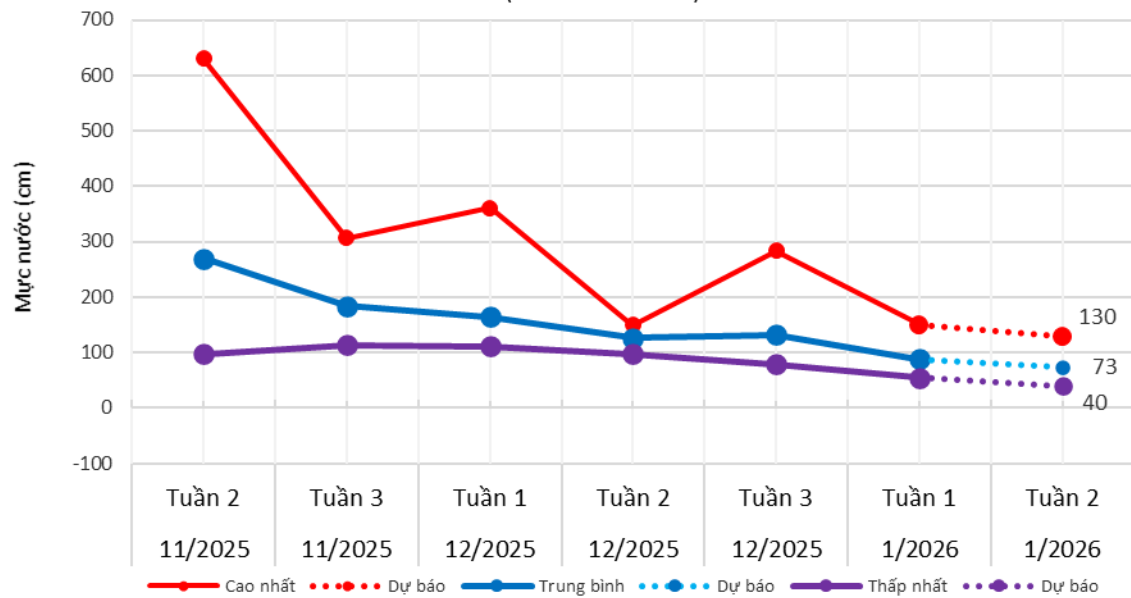
b. Dự báo, cảnh báo

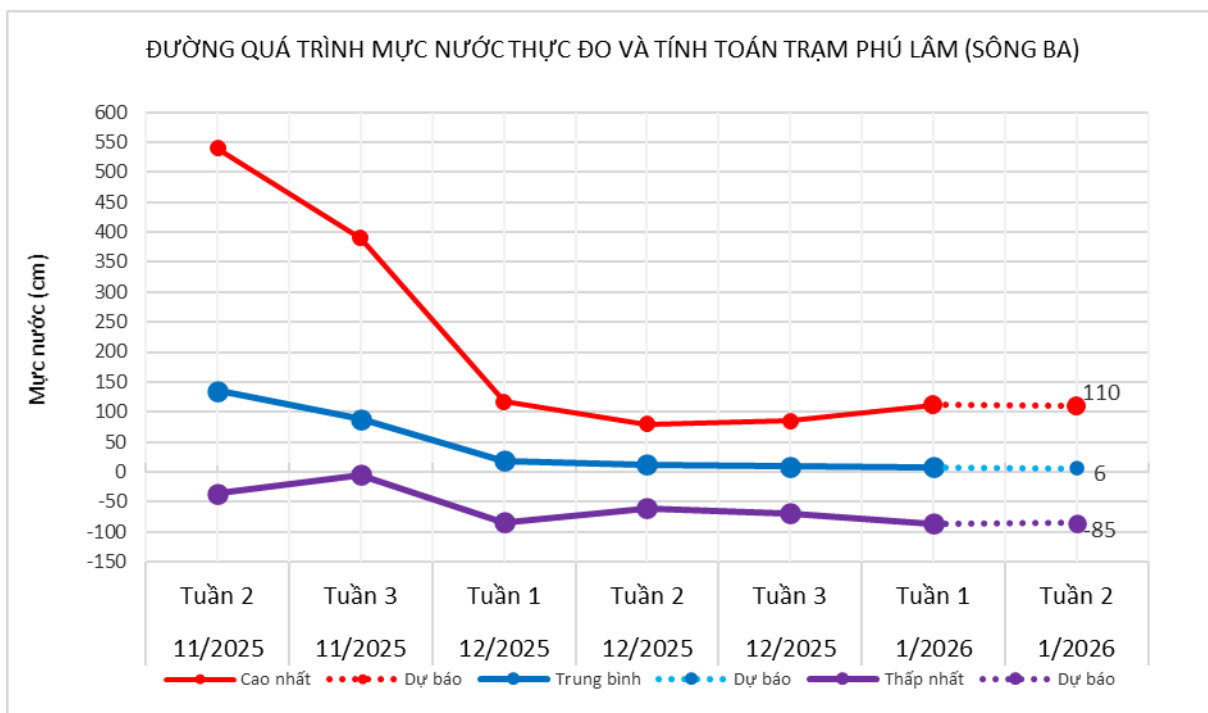
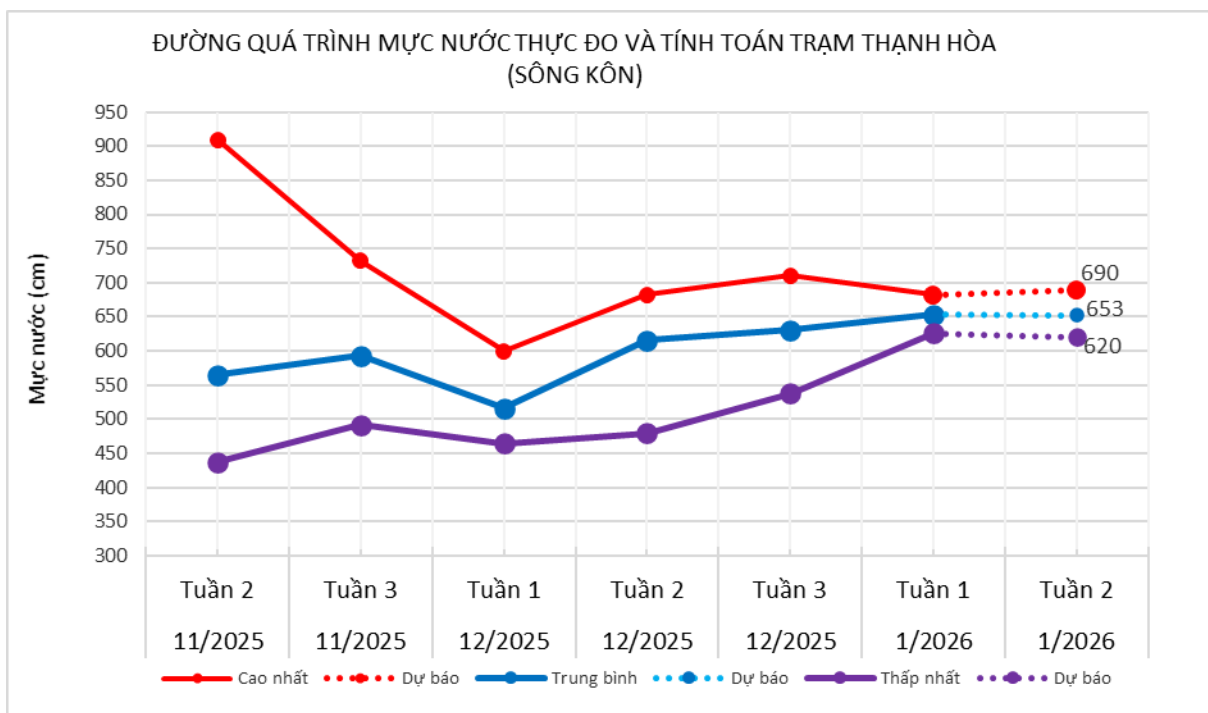
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông phía thượng lưu biến đổi chậm theo xu thế xuống. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LẬU
(SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TRÀ KHÚC
(SÔNG TRÀ KHÚC)





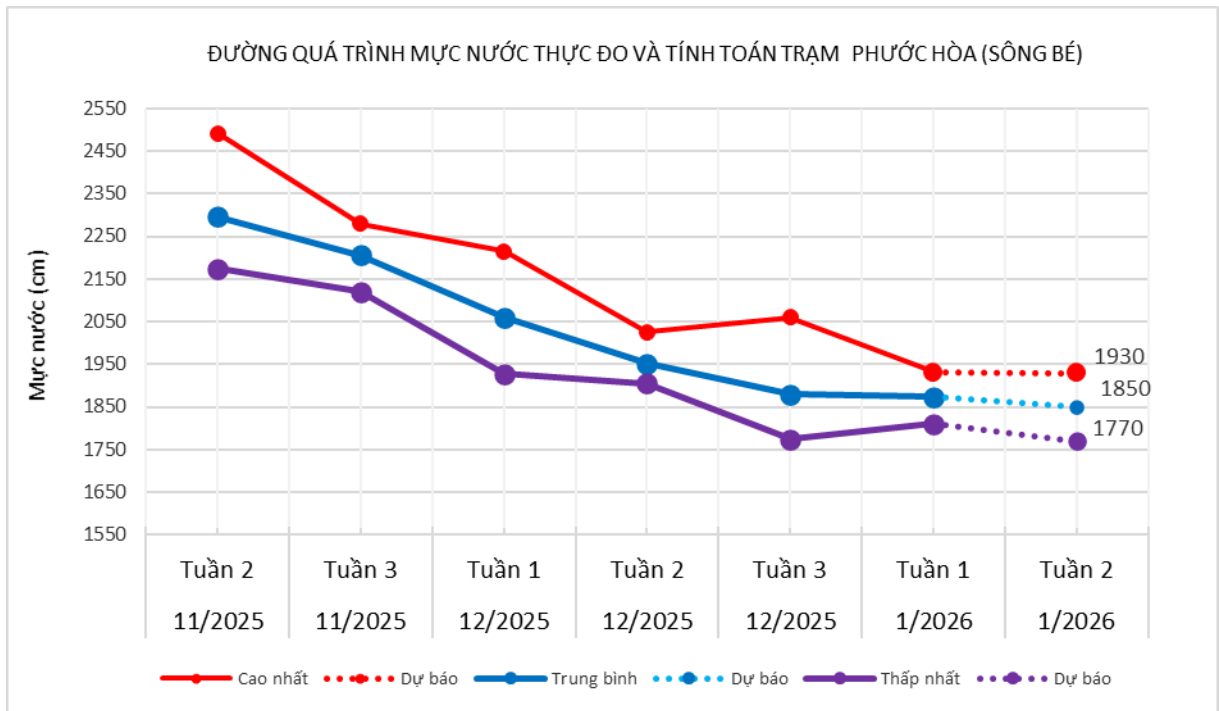
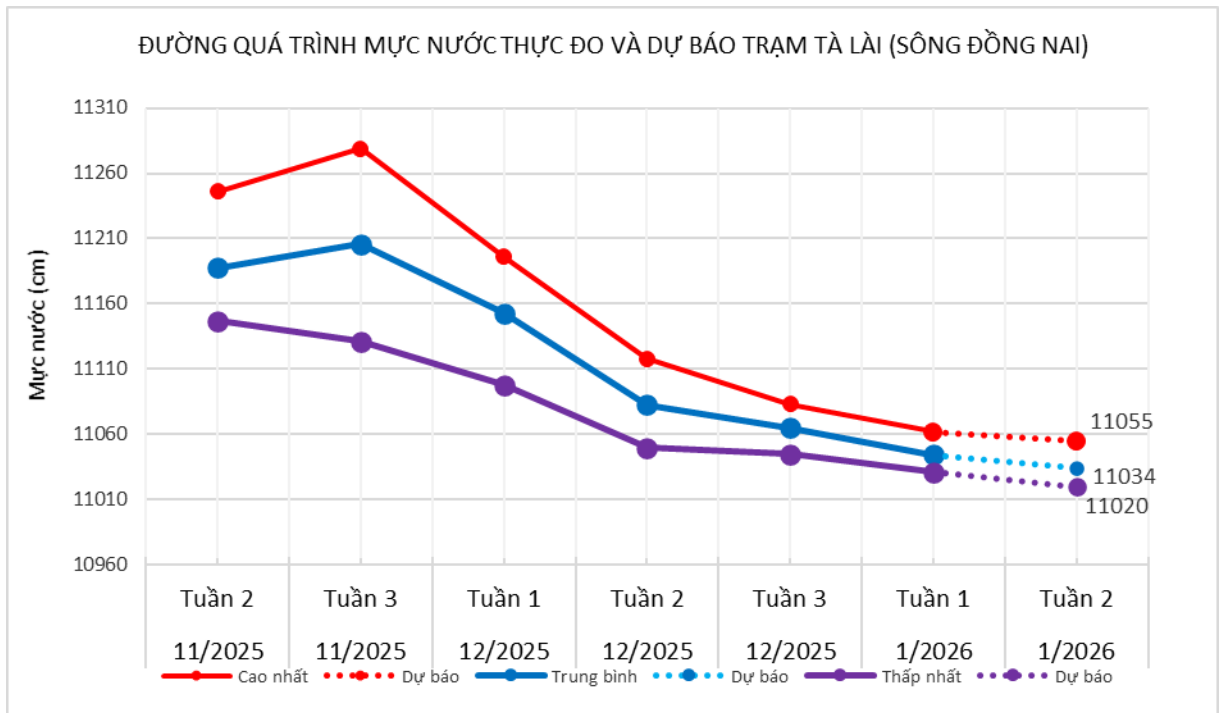
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai biến đổi chậm. Mực nước trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Đồng Nai tiếp tục biến đổi chậm, Sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

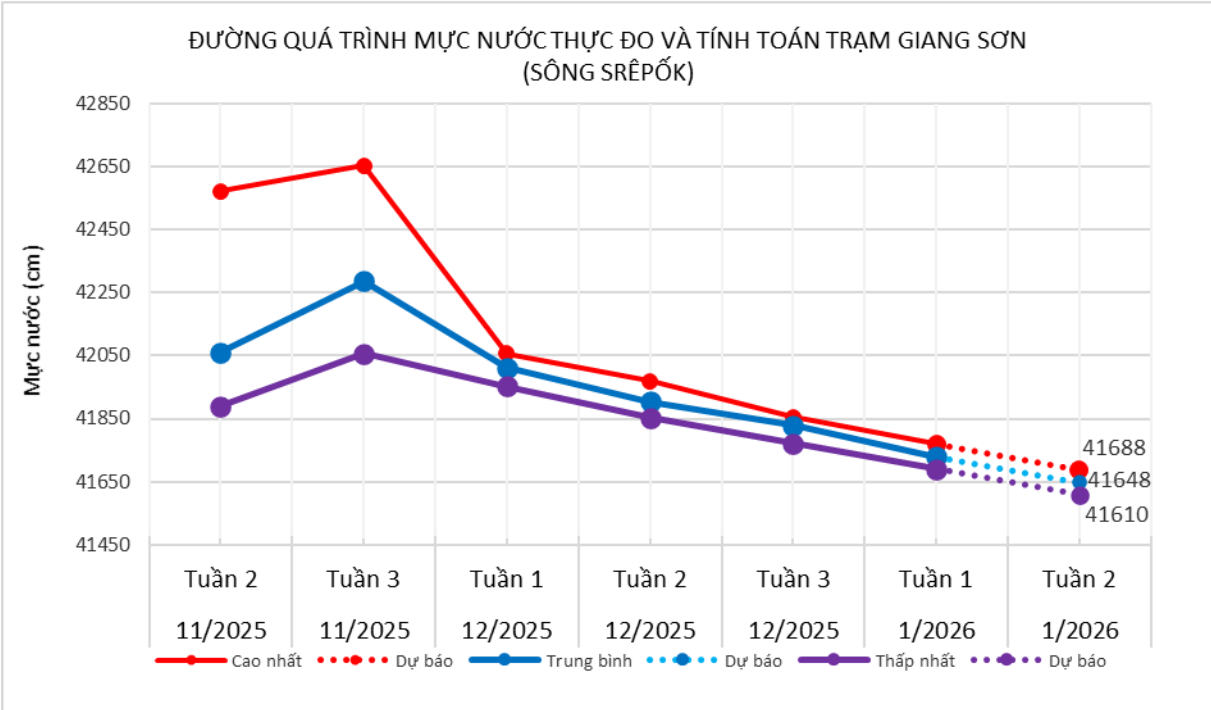
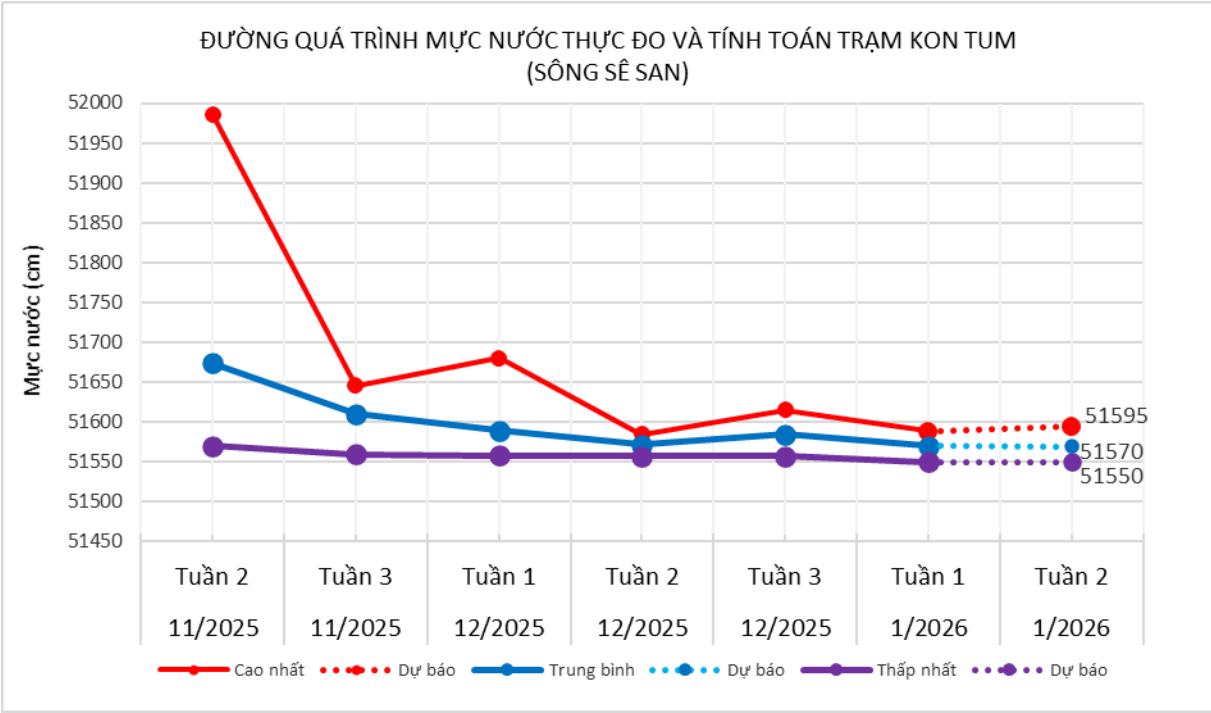
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi theo xu thế xuống chậm, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.

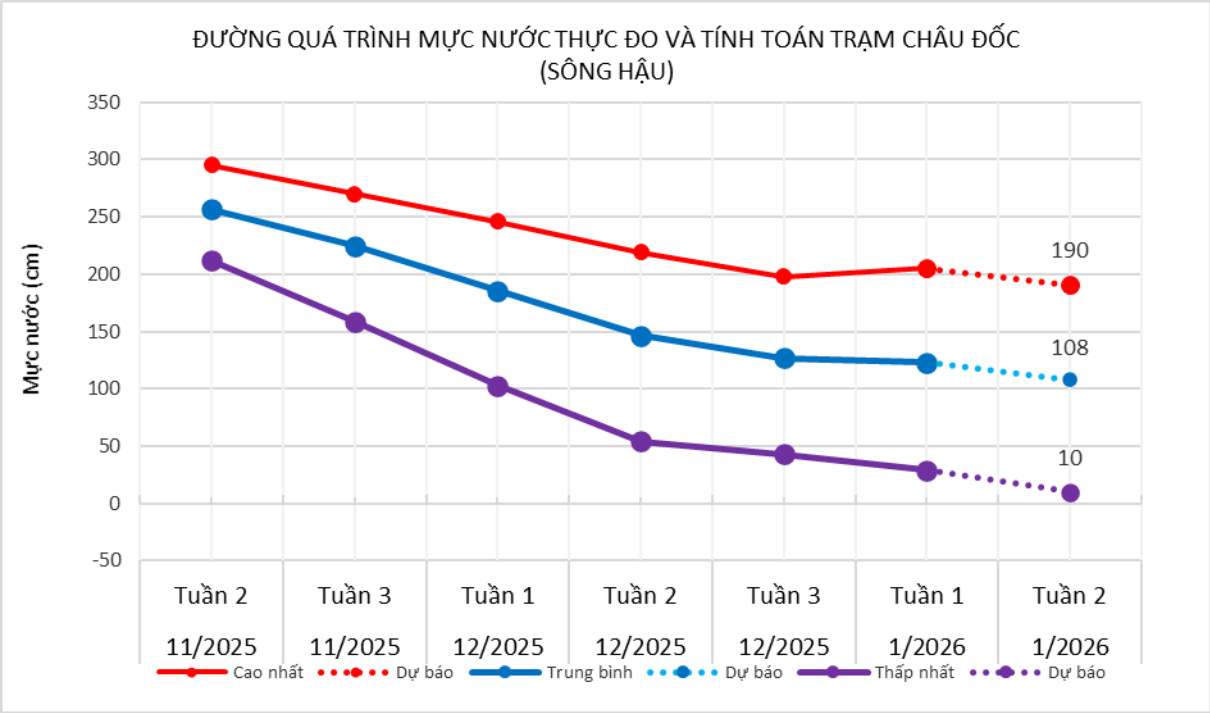
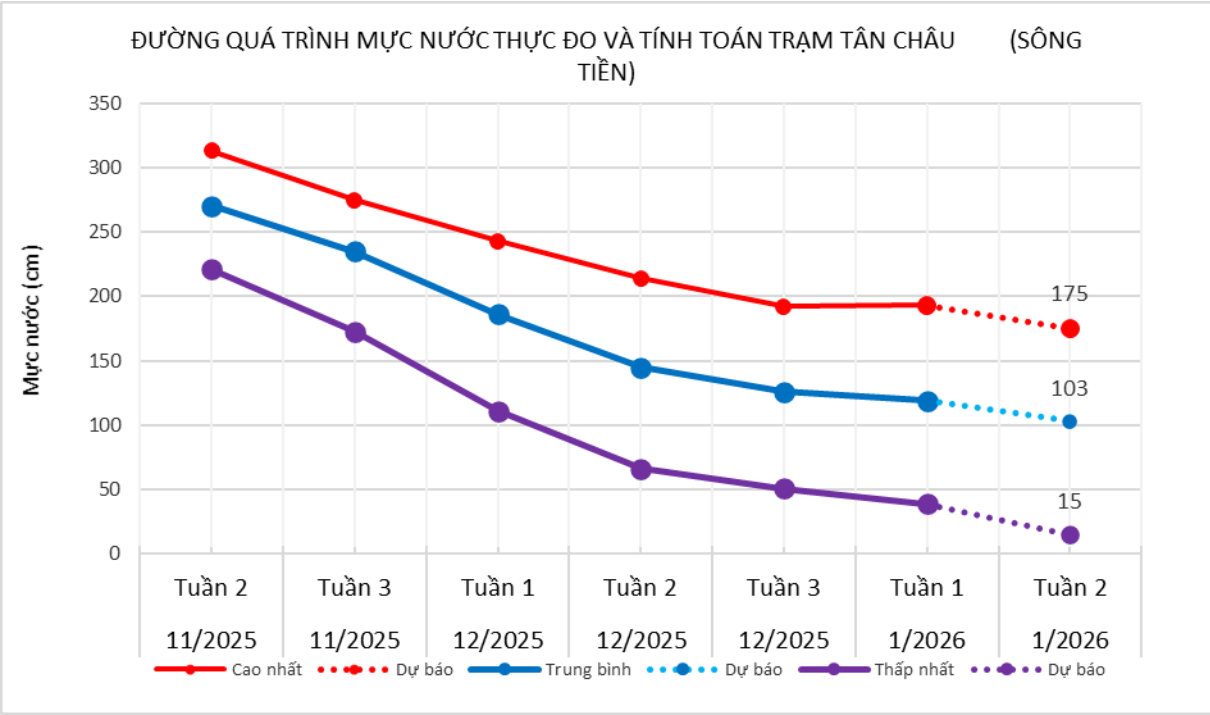
Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,93m (ngày 04/1), trên sông Hậu tại Châu Đốc 2,05m (ngày 04/1)

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện, trên sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm theo xu thế xuống.

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mực nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,75m, tại Châu Đốc ở mức 1,90m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 21/01/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	904	2225	40	780	1900	40	920	2050	40	850	2050	40
Thao	Yên Bái	2363	2397	2328	2360	2410	2330	2350	2400	2320	2355	2410	2320
Thao	Phú Thọ	1122	1153	1079	1140	1180	1110	1130	1170	1100	1135	1180	1100
Lô	Tuyên Quang	1285	1407	1168	1275	1380	1165	1285	1360	1165	1280	1380	1165
Lô	Vụ Quang	467	564	430	450	465	420	440	465	420	445	465	420
Cầu	Đáp Cầu	79	150	22	70	145	5	70	140	10	70	145	5
Thương	Phủ Lạng Thương	65	155	-1	60	150	-15	60	140	-20	60	150	-20
Lục Nam	Lục Nam	55	156	-17	45	150	-25	55	145	-25	50	150	-25
Hồng	Hà Nội	119	199	53	125	200	40	165	210	50	145	210	40
Thái Bình	Phả Lại	63	162	-12	60	155	-30	60	160	-25	60	160	-30
Mã	Giàng	56	229	-100	47	190	-70	55	210	-90	51	210	-90
Cả	Nam Đàn	61	191	-50	40	155	-30	56	170	-50	48	170	-50
La	Linh cảm	45	180	-93	25	150	-70	37	160	-95	31	160	-95
Gianh	Mai Hóa	34	134	-66	26	75	-60	22	85	-70	24	85	-70
Hương	Kim Long	42	70	23	40	65	25	38	60	20	39	65	20

Thu Bồn	Câu Lâu	44	119	-23	36	75	-25	32	82	-28	34	82	-28
Trà Khúc	Trà Khúc	86	151	54	75	130	50	70	120	40	73	130	40
Kôn	Thanh Hòa	654	682	626	650	685	620	655	690	625	653	690	620
Đà Rằng	Phú Lâm	8	112	-86	7	110	-80	5	105	-85	6	110	-85
Đăkbla	Kon Tum	51570	51589	51550	51573	51595	51555	51567	51585	51550	51570	51595	51550
Krông Ana	Giang Sơn	41729	41770	41690	41666	41688	41650	41630	41650	41610	41648	41688	41610
Đồng Nai	Tà Lài	11045	11062	11031	11038	11055	11025	11030	11050	11020	11034	11055	11020
Bé	Phước Hòa	1877	1932	1810	1860	1930	1790	1840	1910	1770	1850	1930	1770
Tiền	Tân Châu	122	193	41	105	160	20	100	175	15	103	175	15
Hậu	Châu Đốc	128	205	29	110	170	15	105	190	10	108	190	10